TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2017
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh.
2. Ông Nguyễn Thái Bình.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017, về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Tấn N, sinh năm: 1985.

Địa chỉ cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Tấn N chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên qua Casino Campuchia chơi đánh bài, ngoài ra anh N còn chơi đánh đề và uống rượu, chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh N không từ bỏ mà còn kiếm chuyện gây gỗ, đánh đập chị. Tháng 5-2013 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị ở ấp T, xã T, huyện B và vợ chồng chị đã ly thân từ đó

cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu không công nhận chị và anh N là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2009, hiện tại cháu đang sống chung với anh N. Chị đồng ý giao cháu K cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Bị đơn anh Trần Tấn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh và chị L chung sống với nhau tại Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Nhưng cách nay khoảng 05 năm (anh không nhớ rõ ngày nào) chị L đã bỏ nhà đi nhưng đi đâu thì anh không biết, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau và ly thân từ đó cho đến nay, cũng không có biện pháp khắc phục hàn gắn gia đình. Vì vậy, nay anh yêu cầu Tòa án không công nhận giữa anh và chị L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2009, hiện tại cháu đang sống chung với anh. Nay ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu K và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Tấn N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014). Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, không công nhận chị L và anh N là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2009 cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị L không cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Tấn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Tấn N chung sống với nhau từ năm 2006, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của hai anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2014) thì không không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Tấn N có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2009. Hiện cháu K đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh N thống nhất giao cháu K cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng nên ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Tấn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Tấn N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Trần Tấn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2009 cho anh Trần Tấn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục . Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh N không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Tấn N thống nhất không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Tấn N trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0020853 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Trần Tấn N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Anh N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân